

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 24-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO – TP. HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Bà Phạm Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: .../2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, địa chỉ: Số Đ, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Vũ Đình N - Chức vụ: Chuyên viên cao cấp Xử lý nợ SeABank

- Ông Phạm Văn H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ địa bàn SeABank

(theo văn bản ủy quyền số 7852B/2021/UQ-SeABank ngày 28 tháng 5 năm

2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ), Vũ Đình N, Phạm Văn H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Đoàn Thị X, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; bà X vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện An Lão, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là ông Vũ Đình N, Phạm Văn H thống nhất trình bày:

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà Đoàn Thị X có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng số REF1928900106/HDTD/HP6-ĐTX. Theo hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cho bà X vay khoản tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay: Xây nhà, thời hạn vay từ ngày 18 tháng 10 năm 2019 đến ngày 18 tháng 10 năm 2023, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 12.69%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh = Lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ + biên độ 4.19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với số tiền gốc.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã giải ngân đầy đủ cho bà X số tiền vay 200.000.000 đồng theo uỷ nhiệm chi ngày ngày 18 tháng 10 năm 2019. Để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà X đã giao kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF1928900106/HDTTC/HP6-ĐTX ký ngày 17 tháng 10 năm 2019, số công chứng 5256, quyền số: 02/2019.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thái Bình – thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng 142.35m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 463+464a (lô 7), tờ bản đồ số 218 BIII, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 799560, số vào sổ cấp GCN: CH0998/AL do UBND huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 9 năm 2019 cho bà Đoàn Thị X.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà X đã trả được nợ gốc và lãi như sau: Nợ gốc đã trả là 115.841.000 đồng (một trăm mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn đồng), nợ lãi trong hạn đã trả là 25.297.576 đồng (hai mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn đã trả là 133.604 đồng (một trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng). Bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ từ ngày 24 tháng

5 năm 2021. Tính đến ngày 24 tháng 5 năm 2022 bà X còn các khoản nợ chưa thanh toán của hợp đồng tín dụng, tổng cộng là 106.863.092 đồng (một trăm lẻ sáu triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm chín mươi hai đồng); trong đó: nợ gốc là 84.159.000đ (tám mươi bốn triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 19.241.939 đồng (mười chín triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 3.462.153 đồng (ba triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm năm mươi ba đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà X phải có trách nhiệm trả các khoản nợ này nhưng bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà X phải thanh toán các khoản nợ của hợp đồng tín dụng số REF1928900106/HDTD/HP6-ĐTX, ngày 17 tháng 10 năm 2019. Trường hợp bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đề nghị được phát mại khối tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 142.35m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 463+464a (lô 7), tờ bản đồ số 218 BIII, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 799560, số vào sổ cấp GCN: CH0998/AL do UBND huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 9 năm 2019 cho bà Đoàn Thị X để thu hồi nợ.

Bị đơn bà X trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn bà X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tổng cộng là 106.863.092 đồng (một trăm lẻ sáu triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm chín mươi hai đồng); trong đó: nợ gốc là 84.159.000 đồng (tám mươi bốn

triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 19.241.939 đồng (mười chín triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 3.462.153 đồng (ba triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm năm mươi ba đồng). Trường hợp bà X không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp. Về án phí: bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà X phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn bà Đoàn Thị X, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là ông Vũ Đình N, Phạm Văn H, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Đoàn Thị X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là ông Vũ Đình N, Phạm Văn H; bị đơn bà Đoàn Thị X.

[3] Trên cơ sở lời khai của các đương sự và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà Đoàn Thị X có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng số REF1928900106/HDTD/HP6-ĐTX là loại hợp đồng tín dụng có thời hạn, có lãi suất được quy định tại các Điều 463, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự. Từ ngày 24 tháng 5 năm 2021 bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 09 tháng 12 năm 2021 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã khởi kiện bà X. Như vậy, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là còn thời hiệu khởi kiện. Xét, hợp đồng tín dụng số REF1928900106/HDTD/HP6-ĐTX do bà Đoàn Thị X ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, có chữ ký, con dấu của các bên là hợp đồng tín dụng hợp pháp nên có nghĩa vụ ràng buộc trách nhiệm đối với các bên. Trong quá trình thực

hiện hợp đồng, theo bảng sao kê tín dụng ngày 24 tháng 5 năm 2022 bà X đã trả được nợ gốc là 115.841.000 đồng (một trăm mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi mốt nghìn đồng), nợ lãi trong hạn đã trả là 25.297.576 đồng (hai mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn đã trả là 133.604 đồng (một trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng). Từ ngày 24 tháng 5 năm 2021 bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và vi phạm hợp đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng bà X không thực hiện. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của bà X. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu bà X trả số tiền nợ gốc là 84.159.000 đồng (tám mươi bốn triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng có quy định: “1. *Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.* 2. *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Nên yêu cầu về thanh toán các khoản nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số REF1928900106/HDTD/HP6-ĐTX ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà X tính đến ngày 24 tháng 5 năm 2022 số tiền nợ lãi trong hạn là 19.241.939 đồng (mười chín triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 3.462.153 đồng (ba triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm năm mươi ba đồng), là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của ngân hàng: Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng 142.35m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 463+464a (lô 7), tờ bản đồ số 218 BIII, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 799560, số vào sổ cấp GCN: CH0998/AL do UBND huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/9/2019 cho bà Đoàn Thị X. Tài sản thế chấp được hai bên ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF1928900106/HDTG/HP6-ĐTX ký ngày 17/10/2019, số công chứng 5256, quyển số: 02/2019.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thái Bình – thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Toàn bộ tài sản thế chấp này là tài sản của bà X. Nên đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 và Điều 299 của Bộ

luật Dân sự. Do vậy, yêu cầu đề nghị phát mại tài sản thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.343.154 đồng, làm tròn số là 5.343.000 đồng. Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Lão.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà X phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.870.000 đồng (Ba triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng) theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại các điều 274, khoản 1 điều 275, 280, 317, 318, 323, 299, 463, 466 và khoản 2 điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ quy định tại Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

- Buộc bà Đoàn Thị X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm tính đến ngày 24 tháng 5 năm 2022 tổng cộng là tổng cộng là 106.863.092 đồng (một trăm lẻ sáu triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm chín mươi hai đồng); trong đó: nợ gốc là 84.159.000 đồng (tám mươi bốn triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 19.241.939 đồng (mười chín triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 3.462.153 đồng (ba triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số REF1928900106/HDTD/HP6-ĐTX ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với bà Đoàn Thị X cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Trường hợp bà Đoàn Thị X không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng 142.35m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 463+464a (lô 7), tờ bản đồ số 218 BIII, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 799560, số vào sổ cấp GCN: CH0998/AL do UBND huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/9/2019 cho bà Đoàn Thị X để thu hồi nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì bà Đoàn Thị X phải tiếp tục trả nợ số tiền gốc và lãi còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Bà Đoàn Thị X phải nộp 5.343.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 3.300.000đ (ba triệu, ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Lão theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001124, ngày 07 tháng 12 năm 2021.

- Buộc bà Đoàn Thị X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 3.870.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) chí phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà Đoàn Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chi cục THA Dân Sự huyện An Lão;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh